

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 635/2022/HC-PT
Ngày: 05-10-2022
V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các thẩm phán:

1/ Ông Trần Quang Phúc

2/ Ông Hoàng Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thư ký **Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29 tháng 9 và ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 24/2018/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2018, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4970/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: **Số A Lô A**, khu tạm cư, **phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.** (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tấn C: Ông Cao Thăng C1, sinh năm 1951. Địa chỉ: Căn hộ C, nhà B, chung cư L, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Cảnh P – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Trần Quốc S – Phó trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Phạm Hoàng Anh T - Phó trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T).

Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T:

- Ông Trần Cảnh P – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Trần Quốc S – Phó trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Phạm Hoàng Anh T - Phó trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

3.2. Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T);

Địa chỉ: B L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường N – Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường phường A.

3.3 Bà Nguyễn Thị Ánh T1;

Địa chỉ: Số A lô A khu tạm cư, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn P1; Địa chỉ: D X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Ông **Phạm Chí Q**;

Địa chỉ: **Số A đường số G, khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2016, Bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2016, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại (xác lập ngày 30/9/2016, ngày 09/3/2018), người khởi kiện – ông **Nguyễn Tấn C** trình bày:*

Ông yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Quận B**. Theo ông **C**, nhà đất C4/7b (**Ủy ban nhân dân Quận B** xác định là nhà không sổ), **Khu phố A, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** nằm ngoài ranh quy hoạch dự án **Khu Đô thị M**. Bởi lẽ ngày 10/5/2002, **Ủy ban nhân dân Thành phố H** ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất xây dựng **Khu đô thị M**. Trong đó có nội dung thu hồi 6.214.328m² nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng **Khu đô thị M tại các phường A, B, B, An Lợi Đ và T**. Vị trí ranh giới được xác định trên Bản đồ 02/BB-BQL do **Công ty Đ1** địa chính – Công trình xác lập. Quyết định số 1997/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố đã căn cứ vào đồ án quy hoạch 1/2000 theo Quyết định 13585/KTST – QH ngày 16/9/1998 để cắm ranh mốc thu hồi đất xây dựng **Khu đô thị M**. Căn cứ vào vị trí giới hạn quy hoạch chi tiết 1/2000 tại Quyết định 13585/KTST – QH, Kiến trúc sư trưởng Thành phố phê duyệt như sau:

- Diện tích đất 618 ha.
- Diện tích mặt nước **sông S** 130 ha.
- Phía Bắc giáp **sông S (quận B và xa lộ H)**.
- Phía Nam giáp **sông S (Quận G)**.
- Phía Đông giáp phần còn lại **phường A, Quận B**.
- Phía Tây giáp **sông S (Quận A)**.

Theo ông **C**, vì quy hoạch chưa hết **phường A** nên nhà, đất của ông **C** thuộc **phường B** đương nhiên nằm ngoài ranh quy hoạch và không bị chi phối bởi Quyết định 1997/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Về nguồn gốc đất, theo ông **C**, đất do cha mẹ vợ của ông **C** là ông **Kiều Văn H** và bà **Nguyễn Thị C2** khai phá sau năm 1975 và cho vợ chồng ông **C** vào năm 1992, diện tích đất là 81,03m². Ông **C** đã cất nhà ở từ đó đến nay, nhà đất không có

tranh chấp hay khiếu nại. Ủy ban nhân dân Quận B đã căn cứ vào Quyết định 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H để thu hồi đất của ông xây dựng Khu đô thị M. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Quận B còn xác định diện tích đất 9,31m² do ông C sử dụng là của ông Phạm Chí Q nên đã bồi thường cho ông Phạm Chí Q. Ông Nguyễn Tấn C yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 hủy Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. Ông C không khiếu kiện về phần giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B có văn bản trình bày:

Ngày 26/3/2010, Ủy ban nhân dân phường B có xác nhận pháp lý số 192/UBND-XN đối với căn nhà không số, tổ E, khu phố A, phường B, Quận B do ông C sử dụng.

Ngày 06/5/2010, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị M ký bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 613/BCT-BK cho ông C. Ngày 17/5/2010, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 5936/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Tấn C với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là 161.688.380 (một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích chuẩn là 63,37m².

Ngày 11/10/2010 Ủy ban nhân dân phường B ban hành Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất, căn nhà (thửa đất) không số, tổ E, khu phố A, phường B, Quận B số 361/UBND – XN.

Ngày 15/11/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 15080/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung điều 1 của Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận B như sau: Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Tấn C với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là 177.194.640 (một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng. Về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là 63,37m².

Không đồng ý, ông Nguyễn Tấn C gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận B khiếu nại Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 và Quyết định số 15080/QĐ-UBND ngày 15/11/2010.

Ngày 02/6/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 7089/QĐ-U về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn C với nội dung: “Giữ nguyên các Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 và Quyết định số 15080/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 của Ủy ban nhân dân Quận B”.

Không đồng ý với các quyết định trên của Ủy ban nhân dân Quận B, ông C đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 2. Ngày 23/9/2011, Tòa án nhân dân Quận 2 đã xét xử sơ thẩm bằng Bản án số 21/2011/HC-ST ngày 23/9/2011 bác đơn khởi kiện của ông C, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C đối với Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011. Ngày 30/3/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 283/2012/HC-PT giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với vụ án này, ông C kiện lại Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B yêu cầu xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) có cùng ý kiến với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T1 có cùng ý kiến với người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B (nay là Ủy ban nhân dân phường A) có ông Lê Hoàng T2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/3/2010, Ủy ban nhân dân phường B có xác nhận pháp lý số 192/UBND-XN đối với căn nhà không số, tổ E, khu phố A, phường B, Quận B.

Ngày 11/10/2010, Ủy ban nhân dân phường B có xác nhận pháp lý số 361/UBND-XN đối với căn nhà không số, tổ E, khu phố A, phường B, Quận B: Đất có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ trưng thu từ năm 1972 nhưng chưa đưa vào sử dụng. Sau năm 1975, do Nhà nước trực tiếp quản lý và giao tập đoàn quản lý kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thuộc một phần thửa 739 tờ 1 xã A, huyện T (cũ), nhưng trong thực tế do tập đoàn chưa quản lý sử dụng nên ông Kiều Văn H tự khai thác sử dụng từ trước năm 1980, đến năm 1992 ông H cho lại con là bà Nguyễn Thị Ánh T1 có chồng là ông Nguyễn Tấn C tự xây dựng nhà ở từ trước ngày 15/10/1993. Năm 2000 ông C sửa chữa lại nhà thuộc ô số 2, 3, 5 của bản vẽ

hiện trạng và Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1608/QĐ-UB-QLĐT ngày 16/6/2000 (kết cấu nhà trước sửa chữa là: Nhà mái lá, vách lá, cột cây, nền gạch bông, với diện tích là 38,05m²; được xác định theo bản vẽ đính kèm biên bản kê khai nhà ở, đất ở năm 1999). Phần nhà thuộc ô số 4 do ông C tự xây dựng thêm từ năm 2001, không có quyết định xử phạt.

Hiện trạng sử dụng đất của ông C có một phần đất thuộc một phần ô số 4 của bản vẽ hiện trạng diện tích 16,58m² và một phần ô số 1 có diện tích 1,08m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy 00343QSDĐ ngày 20/11/2001 do ông Phạm Chí Q đứng tên. Ngày 13/3/2010 Ủy ban nhân dân phường B đã có biên bản làm việc với ông Q và ông Q đã đồng ý cho hộ ông C sử dụng và nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích 8,35m², phần diện tích còn lại: 17,66m² – 8,35m² = 9,31m² ông Q đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với phần đất này. Phần diện tích đất chênh lệch giữa hiện trạng sử dụng còn lại (trừ phần diện tích thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q nêu trên) so với bản vẽ đính kèm biên bản kiểm tra nhà ở, đất ở năm 1999 và kê khai 3376 là do hộ ông C không kê khai phần đất trồng bên hông nhà (căn cứ biên bản xác minh thực địa ngày 22/3/2010); phần đất này có nguồn gốc, quá trình sử dụng như đã nêu trên. Giấy xác nhận này thay thế các giấy xác nhận trước đó. Ủy ban nhân dân phường B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Chí Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai xác định không có yêu cầu gì và đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Ánh T1 về việc hủy Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ vụ án. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 vì:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Xét xử vắng mặt người bị kiện trong khi không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Không thu thập chứng cứ đầy đủ gồm bản gốc đồ án quy hoạch Khu đô thị M. Không xem xét yêu cầu tạm đình chỉ vụ án của ông C để thu thập thêm các chứng cứ xác định phần nhà đất của ông C nằm ngoài ranh quy hoạch khu đô thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn C vẫn giữ nguyên kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. Ông C cho rằng nhà đất của ông bị thu hồi không nằm trong ranh quy hoạch dự án xây dựng Khu đô thị M. Theo ông C, vì quy hoạch chưa hết phường A mà nhà, đất của ông C thuộc phường B đương nhiên nằm ngoài ranh quy hoạch và không bị chi phối bởi Quyết định 1997/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đến thời điểm hiện nay không có văn bản nào mới về dự án Khu đô thị M. Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T1 có ông Đoàn Văn P1 là người đại diện hợp pháp trình bày: Bà T1 thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 130 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Tấn C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-

ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông **Nguyễn Tấn C** trong hạn luật định, đúng thủ tục.

[1.2] Quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3] Tại phiên Tòa, người bị kiện Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Quận B** nay là Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ủy ban nhân dân Quận B** nay là **Ủy ban nhân dân thành phố T** có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **C** là ông **Cao Thăng C1** đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt, ông **Nguyễn Tấn C** đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa, ông tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và không yêu cầu hoãn phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Chí Q** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông **Nguyễn Trường N** là người đại diện hợp pháp của **Ủy ban nhân dân phường B** (nay là **Ủy ban nhân dân phường A**) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông **Trần Cảnh P** và ông **Trần Quốc S** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** và **Ủy ban nhân dân thành phố T** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Tấn C**:

[2.1] Về ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm **Ủy ban nhân dân Quận B** và Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Quận B** vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa nhưng vẫn tiến hành xét xử: Theo Công văn số 971/UBND-BBT ngày 29/3/2018 của **Ủy ban nhân dân Quận B** (Bút lục 89) và Công văn số 972/UBND-BBT ngày 29/3/2018 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Quận B** (Bút lục 88) thì **Ủy ban nhân dân Quận B** và Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Quận B** có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng hành chính vắng mặt ở tất cả các giai đoạn). Do đó, tại

phiên tòa sơ thẩm ngày 30/3/2018 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2.1] Về ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ về việc xác định ranh quy hoạch:

Để xác định đất của ông Nguyễn Tấn C nằm trong ranh hay ngoài ranh quy hoạch Khu Đô thị M thì Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu Đô thị M (gọi tắt là Quyết định số 1997) đã có căn cứ Quyết định 367/QĐ-TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu Đô thị M (gọi tắt là Quyết định số 367). Tại nội dung tại Điều 1 thể hiện thu hồi 6.214.328.328m² đất nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng Khu Đô thị M tại các phường A, B, B, An Lợi Đ và T thuộc Quận B và giao cho Ban Q1 xây dựng Khu đô thị M để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý khu đất và tiến hành mời gọi đầu tư nhằm xây dựng khu đô thị mới phù hợp quy hoạch được duyệt. Vị trí ranh giới khu đất thu hồi được xác định trên bản đồ số 02/BB-BQL do Công ty Đ1 Địa chính Công trình lập, sở địa chính nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 (gọi tắt là Bản đồ số 02). Nhà, đất của ông Nguyễn Tấn C tọa lạc tại địa chỉ không số, tổ E, Khu phố A, phường B, Quận B (nay là thành phố T), vì vậy để có căn cứ xác định phần đất này nằm trong hay ngoài ranh quy hoạch theo Bản đồ 02 thì Tòa án phải thu thập chứng cứ để xác định. Ngày 25/9/2017 Tòa án nhân dân Quận 2 đã ban hành Công văn số 866/TAQ2 gửi Ban Quản lý dự án Khu đô thị M để xác minh tình trạng pháp lý đối với diện tích nhà, đất tại địa chỉ trên có nằm trong hay ngoài ranh quy hoạch, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm còn căn cứ vào nguồn chứng cứ khác để giải quyết vụ án. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì Quyết định số 1997/QĐ-UB và Bản đồ số 02 là căn cứ thu hồi đất vẫn đang có hiệu lực thi hành đối với dự án Khu Đô thị M, chưa bị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận thu thập các tài liệu bản đồ quy hoạch cụ thể là Bản đồ quy hoạch chung 1/5000 kèm theo Quyết định 367/QĐ-TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu của ông Nguyễn Tấn C là có căn cứ.

+ Về ý kiến cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B đã căn cứ vào các quy

định bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày ngày 24/4/1998 của Chính phủ (gọi tắt Nghị định số 22/1998/NĐ-CP) mà không áp dụng Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 (thay thế Nghị định số 22/1998/NĐ-CP) là không phù hợp. Xét thấy, tại thời điểm thu hồi đất theo Quyết định 1997/QĐ-UB vào năm 2002 thì Ủy ban nhân dân Quận B áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP và các quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư của Ủy ban nhân dân Thành phố. Vì vậy, khi giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ; về ranh quy hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B đối với ông Nguyễn Tấn C phải áp dụng các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn C yêu cầu tạm ngừng phiên tòa hoặc tạm đình chỉ vụ án để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ các văn bản hành chính trên nhưng không được Hội đồng xét xử xem xét là có căn cứ.

+ Về ý kiến tại phiên tòa không có 02 chứng cứ là Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB và các đồ án quy hoạch, nên ông không có cơ sở thực hiện quyền tranh luận và đối đáp tại tòa, ông yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để người bị kiện cung cấp nhưng không được Hội đồng xét xử giải quyết. Xét, như đã phân tích trên thì Quyết định số 1997/QĐ-UB và Bản đồ 02 làm căn cứ thu hồi đất vẫn đang có hiệu lực để thực hiện đối với Dự án Khu Đô thị M, chưa bị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ, Tòa án đã thu thập và công bố, nhưng ông Nguyễn Tấn C không căn cứ cáo các tài liệu Tòa án thu thập để tranh luận là quyền của người khởi kiện, mặc dù Hội đồng xét xử không hạn chế quyền tranh luận của đương sự.

[2.2] Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, phần quyết định này có nội dung: Giữ nguyên các Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 và Quyết định 15080/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn C về yêu cầu thu hồi, hủy bỏ các quyết định số Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 và Quyết định 15080/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Tấn C trong Dự án Khu Đô thị M.

Các Quyết định 5936/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 và Quyết định 15080/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông

Nguyễn Tấn C trong Dự án Khu Đô thị M đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 283/2012/HC-PT ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Bác yêu cầu hủy các quyết định nêu trên của ông Nguyễn Tấn C, bản án phúc thẩm này đã có hiệu lực pháp luật.

Dự án Khu đô thị M thực hiện việc thu hồi giao đất theo Quyết định số 1997/QĐ-UB. Vị trí ranh giới khu đất thu hồi được xác định trên Bản đồ số 02 do Công ty Đ1 Địa chính Công trình lập, Sở Địa chính Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002. Vì vậy, căn cứ pháp lý làm cơ sở cho việc thu hồi đất đã được xác lập.

Theo giấy xác nhận pháp lý số 361/UBND-XN ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận B khẳng định toàn bộ nhà, đất do hộ ông C sử dụng nằm trong ranh thu hồi đất thuộc Dự án Khu Đô thị M.

Tại Công văn số 1230/BQL-ĐĐ ngày 04/7/2017 của Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị M khẳng định toàn bộ vị trí nhà đất do ông Nguyễn Tấn C khởi kiện đều nằm trong quy hoạch và cách ranh quy hoạch 231m. Như vậy có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích nhà đất không số T, Khu phố A, phường B, Quận B do ông Nguyễn Tấn C quản lý sử dụng thuộc Dự án Khu Đô thị M. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn C có yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng để tạo điều kiện cho ông gặp mặt đối thoại với Đoàn Thanh tra Chính phủ để xác định ranh quy hoạch dự án Khu Đô thị M. Đến nay cũng không có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác định nhà, đất của ông C nằm ngoài ranh quy hoạch.

Do đó, ông C cho rằng nhà đất của ông nằm ngoài ranh quy hoạch là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích nhà, đất của ông C nằm hoàn toàn trong ranh quy hoạch là đúng căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất 9,1m² do ông cứu sử dụng: Phần diện tích này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Chí Q, nên Ủy ban nhân dân Quận B đã bồi thường cho ông Phạm Chí Q là đúng quy định pháp luật. Theo bảng chiết tính số 613/BCT-BK ngày 06/5/2010 của Hội đồng bồi thường thì phần diện tích trùng ranh còn lại 8,35m², diện tích này ông Phạm Chí Q đã chấp nhận để ông C nhận tiền bồi thường nên Ủy ban nhân dân Quận B đã chiết tính bồi thường cho ông C là có lợi cho ông.

Do ông Nguyễn Tấn C không yêu cầu xem xét chính sách bồi thường nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Ông Cứu sinh năm 1950, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C được miễn án phí hành chính sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 193, Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Tấn C về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7089/QĐ-UBND-TTr ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn C.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn C được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn C số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AC/2012/04195 ngày 01/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 (thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuận